

Số: 525/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào: Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Luật Phí và Lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54/2011, Quyển số 01/2011 ngày 01/11/2011 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình).

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 494/2026/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người yêu cầu sau đây:

- Anh **Trần Văn T**, sinh ngày 28/6/1978;

CCCD số 036078000748; Ngày cấp: 29/4/2021; Nơi cấp: Cục C về TTXH.

Nơi thường trú và nơi cư trú: P802-CT2-KCNĐT T, TDP N, phường T, thành phố Hà Nội.

- Chị **Vũ Thị T1**, sinh ngày 04/08/1984;

CCCD số 036184000996; Ngày cấp: 22/7/2024; Nơi cấp: Bộ C1.

Nơi thường trú: P802-CT2-KCNĐT T, TDP N, phường T, thành phố Hà Nội;

Nơi cư trú: 408 G3A T, phường G, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Anh **Trần Văn T** và chị **Vũ Thị T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2011 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Anh chị đã ly thân từ tháng 01/2026. Nay anh chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

[2] Về con chung: Anh **Trần Văn T** và chị **Vũ Thị T1** có 03 con chung là cháu **Trần Khải H**, sinh ngày 11/03/2014 (N), cháu **Trần Khánh H1**, sinh ngày 28/01/2022 (Nữ) và cháu **Trần Khả H2**, sinh ngày 28/01/2022 (Nữ); ngoài ra, anh chị không có con chung, con nuôi nào khác. Sau khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cả 03 cháu cho chị **Vũ Thị T1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Trần Văn Trình tự N1** cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng/cháu (Năm triệu đồng/Một tháng/Một cháu), 3 (ba) con là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) một tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05/2026 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Xét yêu

cầu của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị **Vũ Thị T1** tự nguyện chịu cả 300.000 VND (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Trần Văn T** và chị **Vũ Thị T1**.

- Về con chung: Anh **Trần Văn T** và chị **Vũ Thị T1** có 03 con chung là cháu **Trần Khải H**, sinh ngày 11/03/2014 (N), cháu **Trần Khánh H1**, sinh ngày 28/01/2022 (Nữ) và cháu **Trần Khả H2**, sinh ngày 28/01/2022 (Nữ); ngoài ra, anh chị không có con chung, con nuôi nào khác.

+ *Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự:* Giao cả 03 cháu cho chị **Vũ Thị T1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

+ *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh **Trần Văn Trình tự N1** cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng/cháu (Năm triệu đồng/Một tháng/Một cháu), 3 (ba) con là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) một tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05/2026 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

+ Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Anh **Trần Văn T** có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không bị ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về lệ phí: Chị **Vũ Thị T1** tự nguyện chịu cả 300.000 VND (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số: 0008818 ngày 10/4/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Hà Nội. Ghi nhận chị **Vũ Thị T1** đã nộp đủ lệ phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Vũ Quang H3